SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TỈNH CÀ MAU
TRUNG TÂM GDTX CÀ MAU
ĐỀ CHÍNH THỨC
(Gồm có 2 trang)

KIỂM TRA GIỮA KỲ I NĂM HỌC 2026 - 2027
MÔN: TOÁN - LỚP 9
Thời gian: 90 phút, không kể thời gian phát đề.

Mã đề: 0901

Phần 1. Câu hỏi trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn. *Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 12. Mỗi câu hỏi, thí sinh chỉ chọn 1 phương án.*

Câu 1. Trong các phương trình sau, phương trình nào là phương trình bậc nhất hai ẩn?
A. $5x-2y=7$. **B.** $8x^2-3x-5=0$. **C.** $3x+2y^2=0$. **D.** $3\sqrt{x}+2x=0$

Câu 2. Trong các hệ phương trình sau, hệ phương trình nào là hệ hai phương trình bậc nhất hai ẩn?
A. $\begin{cases}3x-2y=5\\ \sqrt{x}-2\sqrt{y}=1\end{cases}$. **B.** $\begin{cases}2x+2y=4\\ 5x-y=4\end{cases}$. **C.** $\begin{cases}2x-2y^2=0\\ 3x-y=2\end{cases}$. **D.** $\begin{cases}3x^2+2y^2=5\\ 3x-y=2\end{cases}$.

Câu 3. Cặp số $(1;-2)$ là nghiệm của hệ phương trình nào?
A. $\begin{cases}x-2y=4\\ x+2y=0\end{cases}$. **B.** $\begin{cases}x-2y=5\\ 3x+y=1\end{cases}$. **C.** $\begin{cases}x-2y=4\\ 3x+2y=0\end{cases}$. **D.** $\begin{cases}5x-2y=3\\ x+2y=0\end{cases}$.

Câu 4. Các nghiệm của phương trình $x(x+4)=0$ là
A. $x=0;x=4$. **B.** $x=-4$. **C.** $x=-4$. **D.** $x=0;x=-4$.

Câu 5. Điều kiện xác định của phương trình $\frac{2}{x+3}=\frac{x}{x-1}$ là
A. $x\neq -3;x\neq 1$. **B.** $x\neq 3;x\neq -1$. **C.** $x\neq -3$. **D.** $x\neq 1$

Câu 6. Cho hai số a,b được biểu diễn trên trục số như Hình 3. Phát biểu nào sau đây là đúng?



Hình 3

A. $a<0$ và $0<b$. **B.** $0<b$ và $b<a$.

C. $a<b$ và $b<0$. **D.** $0<a$ và $a<b$.

Câu 7. Trong các bất phương trình sau, bất phương trình nào là bất phương trình bậc nhất một ẩn?
A. $2x+3y\geq 7$ **B.** $3x-5y=0$ **C.** $2x-y<0$ **D.** $2x-5>0$

Câu 8. Nghiệm của bất phương trình $3x+6>0$ là
A. $x<2$. **B.** $x>2$. **C.** $x>-2$. **D.** $x<-2$.

Câu 9. Cho ΔDEF vuông tại D, khi đó $\sin F=$
A. $\frac{DE}{DF}$ **B.** $\frac{DF}{EF}$ **C.** $\frac{DF}{DE}$ **D.** $\frac{DE}{EF}$

Câu 10. Cho ΔABC vuông tại B, có $\widehat{A}=60°$. Khi đó số đo $\cos A=$
A. 1 **B.** $\frac{3}{2}$ **C.** $-\frac{1}{2}$ **D.** $\frac{1}{2}$

Câu 11. Cho ΔDEF vuông tại E, khi đó $\tan D=$
A. $\frac{DE}{DF}$ **B.** $\frac{DF}{EF}$ **C.** $\frac{EF}{DE}$ **D.** $\frac{DE}{EF}$

Câu 12. Cho tam giác ABC vuông tại A có $BC=6$ cm và $\cos C=\frac{2}{3}$. Độ dài cạnh AC bằng:
A. 3 cm. **B.** 12cm. **C.** 4 cm. **D.** 8 cm.

thuvientoanhoc.com

Phần 2. Trắc nghiệm lựa chọn đúng sai. *Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai.*

Câu 1. Cho $a \ge b$. Hãy cho biết các khẳng định sau ***đúng*** hay ***sai***?

a) $-12a \ge -12b$.
b) $5a \ge 5b$.
c) $a-8 \ge b-8$.
d) $a+15 \le b+15$.

Câu 2. Cho ΔABC vuông tại

C. Hãy cho biết các câu trả lời sau ***đúng*** hay ***sai***?

a) $AC = AB.\sin A$
b) $AC = BC.\tan B$
c) $BC = AB.\cot B$
d) $BC = AB.\sin A$

Phần 3. Câu hỏi trắc nghiệm trả lời ngắn. *Thí sinh trả lời câu hỏi vào phiếu trả lời trắc nghiệm.*

Câu 1. Nghiệm của hệ phương trình $\begin{cases} 3x-y=-5 \\ x+y=-3 \end{cases}$ là $(x;y)$. Tính $P = 2x+y$

Câu 2. Bạn Thanh có 100 nghìn đồng. Bạn muốn mua một cái bút giá 18 nghìn đồng và một số quyển vỡ, giá mỗi quyển là 7 nghìn đồng. Hỏi bạn Thanh mua được nhiều nhất bao nhiu quyển vở?

Câu 3. Cho ΔDEF vuông tại E, có $\widehat{D} = 46,6°$ Số đo $\widehat{F} =$.....

Câu 4. Cho ΔABC vuông tại A, $\widehat{B} = 38°$, $AB = 5cm$. Khi đó độ dài cạnh AC (làm tròn đến hàng phần mười) là ……..

Phần 4. Tự luận. *Thí sinh làm ra giấy thi.*

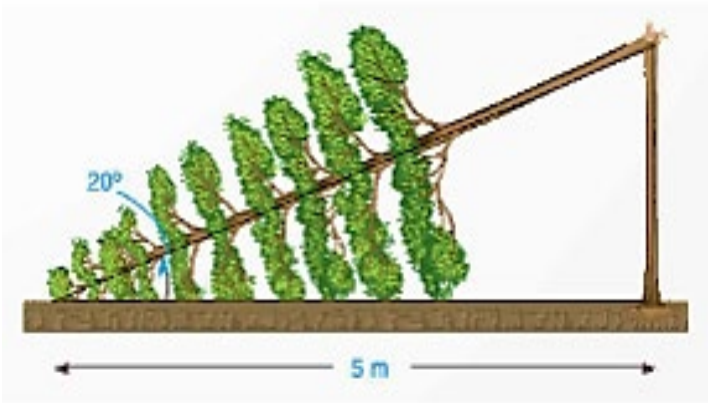
Bài 1 ***(1,5 điểm).*** Giải các phương trình và bất phương trình sau

a) $(2x-4)(3x+5)=0$.
b) $\dfrac{3}{2x+2} - \dfrac{2}{x-5} = 0$
c) $2(x-4)-3x > 5$.

Bài 2 ***(0,5 điểm).*** Cho hệ phương trình chứa tham số m: $\begin{cases} x+my=3 \\ mx+4y=6 \end{cases}$. Giải hệ phương trình khi $m=1$.

Bài 3 ***(1,0 điểm)***.

Một cây cao bị gãy, ngọn cây đổ xuống mặt đất. Ba điểm: gốc cây, điểm gãy, ngọn cây tạo thành một tam giác vuông. Đoạn cây gãy tạo với mặt đất góc 20^0 và chắn ngang lối đi một đoạn 5m. Hỏi trước khi bị gãy, cây cao khoảng bao nhiêu mét (làm tròn kết quả đến hàng phần mười)?



-------- HẾT --------

Học viên không được sử dụng tài liệu. Giám thị coi kiểm tra không giải thích gì thêm.

thuvientoanhoc.com

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TỈNH CÀ MAU
TRUNG TÂM GDTX CÀ MAU
ĐỀ CHÍNH THỨC
(Gồm có 2 trang)

KIỂM TRA GIỮA KỲ I NĂM HỌC 2026 - 2027
MÔN: TOÁN - LỚP 9
Thời gian: 90 phút, không kể thời gian phát đề.

Mã đề: 0902

Phần 1. Câu hỏi trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn. *Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 12. Mỗi câu hỏi, thí sinh chỉ chọn 1 phương án.*

Câu 1. Trong các phương trình sau, phương trình nào là phương trình bậc nhất hai ẩn?

A. $2x^2+y=3$. **B.** $2x-3y=5$. **C.** $0x+0y=4$. **D.** $3x-\dfrac{2}{y}=1$.

Câu 2. Hệ phương trình nào dưới đây là hệ hai phương trình bậc nhất hai ẩn?

A. $\begin{cases}2x+3y^2=1\\-3x=18.\end{cases}$ **B.** $\begin{cases}0,5x-0,2y=-0,1\\0x+0y=-0,4.\end{cases}$ **C.** $\begin{cases}-4x+7y=-10\\3x+8y=-19.\end{cases}$ **D.** $\begin{cases}x+3y=2\\31x^2+5y^2=-1.\end{cases}$

Câu 3. Cặp số $(23;-13)$ là nghiệm của hệ phương trình nào?

A. $\begin{cases}2x+y=36\\x-2y=10\end{cases}$. **B.** $\begin{cases}x+y=36\\y-x=10\end{cases}$. **C.** $\begin{cases}x-y=36\\x+y=10\end{cases}$. **D.** $\begin{cases}x+y=36\\x-y=10\end{cases}$.

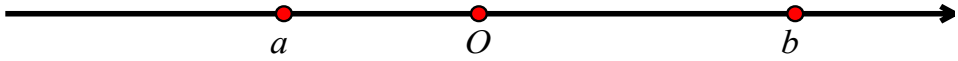
Câu 4. Các nghiệm của phương trình $-x(x-3)=0$ là

A. $x=0;x=-3$. **B.** $x=3$. **C.** $x=-3$. **D.** $x=0;x=3$.

Câu 5. Điều kiện xác định của phương trình $\dfrac{1}{x-2}=\dfrac{x}{x+3}$ là

A. x ≠ -3 **B.** $x\neq 2;x\neq -3$. **C.** $x\neq 2$. **D.** x ≠ 1.

Câu 6. Cho hai số a, b được biểu diễn trên trục số như *Hình 1* Phát biểu nào sau đây là đúng?



Hình 1

A. $a<b$ và $b<0$. **B.** $0<b$ và $b<a$. **C.** $a<0$ và $0<b$. **D.** $0<a$ và $a<b$.

Câu 7. Bất phương trình nào sau đây là bất phương trình bậc nhất một ẩn?

A. $-2x^2+5>0$. **B.** $3x-y\le 0$. **C.** $-4x-2<0$. **D.** $5+0x\ge -7$.

Câu 8. Nghiệm của bất phương trình $3x-6<0$ là

A. $x<2$. **B.** $x>2$. **C.** $x>-2$. **D.** $x<-2$.

Câu 9. Cho ΔDEF vuông tại D, khi đó $\cos F=$

A. $\dfrac{DE}{DF}$ **B.** $\dfrac{DF}{EF}$ **C.** $\dfrac{DF}{DE}$ **D.** $\dfrac{DE}{EF}$

Câu 10. Cho ΔABC vuông tại B, có $\widehat{A}=45°$. Khi đó số đo $\sin A=$

A. 1 **B.** $\dfrac{3}{2}$ **C.** $-\dfrac{1}{2}$ **D.** $\dfrac{\sqrt{2}}{2}$

Câu 11. Cho ΔDEF vuông tại E, khi đó $\cot D=$

A. $\dfrac{DE}{DF}$ **B.** $\dfrac{DF}{EF}$ **C.** $\dfrac{EF}{DE}$ **D.** $\dfrac{DE}{EF}$

Câu 12. Cho tam giác PQR vuông tại P có $QR=8cm,\cos Q=\dfrac{1}{2}$. Độ dài cạnh PQ là

A. 4 cm. **B.** 16 cm. **C.** $4\sqrt{3}$ cm. **D.** $8\sqrt{3}$ cm.

thuvientoanhoc.com

Phần 2. Trắc nghiệm lựa chọn đúng sai. *Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai.*

Câu 1. Cho $a > b$. Xét tính **đúng/ sai** của các khẳng định sau

a) $a + 2 > b + 2$ **b)** $3.a < 3.b$

c) $-5a < -5b$ **d)** $a + 3 > b - 2$

Câu 2. Cho ΔABC vuông tại B. Hãy cho biết các câu trả lời sau ***đúng*** hay ***sai***?

a) $BC = AC.\sin A$ **b)** $AB = AC.\cos A$

c) $BC = AB.\tan C$ **d)** $AB = BC.\cot C$

Phần 3. Câu hỏi trắc nghiệm trả lời ngắn. *Thí sinh trả lời câu hỏi vào phiếu trả lời trắc nghiệm.*

Câu 1. Nghiệm của hệ phương trình $\begin{cases} 12x - 3y = -6 \\ -5x + y = 4. \end{cases}$ là $(x;y)$. Tính $P = 2x - y$

Câu 2. Bạn Thanh có 100 nghìn đồng. Bạn muốn mua một cái bút giá 16 nghìn đồng và một số quyển vỡ, giá mỗi quyển là 8 nghìn đồng. Hỏi bạn Thanh mua được nhiều nhất bao nhiu quyển vở?

Câu 3. Cho ΔDEF vuông tại D, có $\widehat{E} = 39,3^0$ Số đo $\widehat{F} = ...$

Câu 4. Cho ΔABC vuông tại A, $\widehat{B} = 38°$, $BC = 6cm$. Khi đó độ dài cạnh AC (làm tròn đến hàng phần mười) là ……..

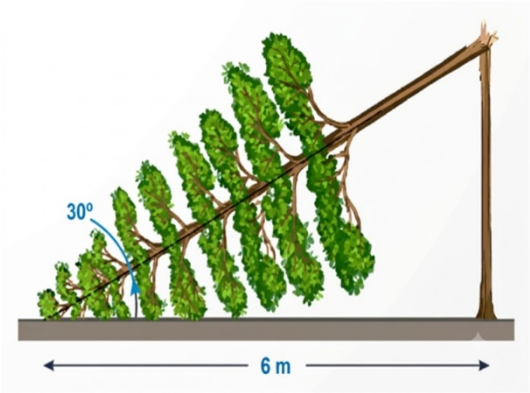
Phần 4. Tự luận. *Thí sinh làm ra giấy thi.*

Bài 1 ***(1,5 điểm).*** Giải các phương trình và bất phương trình sau

a) $(2-3x)(4x+5) = 0$. **b)** $\dfrac{3}{x-3} - \dfrac{2}{2x+4} = 0$. **c)** $5(x - 6) - x > 26$.

Bài 2 ***(0,5 điểm).*** Cho hệ phương trình chứa tham số m: $\begin{cases} x + my = 3 \\ mx + 4y = 6 \end{cases}$. Giải hệ phương trình khi $m = 3$.

Bài 3 ***(1,0 điểm)***. Một cây cao bị gãy, ngọn cây đổ xuống mặt đất. Ba điểm: gốc cây, điểm gãy, ngọn cây tạo thành một tam giác vuông. Đoạn cây gãy tạo với mặt đất góc 30^0 và chắn ngang lối đi một đoạn 6m. Hỏi trước khi bị gãy, cây cao khoảng bao nhiêu mét (làm tròn kết quả đến hàng phần mười)?



-------- HẾT --------

Học viên không được sử dụng tài liệu. Giám thị coi kiểm tra không giải thích gì thêm.

thuvientoanhoc.com

MA TRẬN, BẢN ĐẶC TẢ VÀ ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I
MÔN TOÁN – LỚP 9 – NĂM HỌC 2026 – 2027

Phạm vi kiến thức (theo Phụ lục 2 – Kế hoạch dạy học Toán 9 của tổ, tiết Kiểm tra giữa học kì I gồm 2 tiết, cả Đại số và Hình học): Đại số – Chương I. Phương trình và hệ hai phương trình bậc nhất hai ẩn (Bài 1 đến Bài 3), Chương II. Phương trình và bất phương trình bậc nhất một ẩn (Bài 4 đến Bài 6); Hình học – Chương IV. Hệ thức lượng trong tam giác vuông (Bài 11, Bài 12). Học sinh được sử dụng máy tính cầm tay.

I. KHUNG MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA (Bước 1)

TT	Chủ đề/ Chương	Nội dung/ đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá												Tổng số câu/ý			Số điểm (Tỉ lệ %)
			Nhiều lựa chọn			Đúng – Sai			Trả lời ngắn			Tự luận						
			Biết	Hiểu	VD	Biết	Hiểu	VD	Biết	Hiểu	VD	Biết	Hiểu	VD	Biết	Hiểu	VD	
1	**Phương trình và hệ hai phương trình bậc nhất hai ẩn (Chương I)**	Phương trình và hệ hai phương trình bậc nhất hai ẩn; giải hệ; giải bài toán bằng cách lập hệ phương trình (Bài 1, 2, 3)	3 (C1, C2, C3)							1 (C1)			1 (C2)		3	2		1,75 đ (17,5%)
2	**Phương trình và bất phương trình bậc nhất một ẩn (Chương II)**	Phương trình quy về phương trình bậc nhất một ẩn (Bài 4)	2 (C4, C5)									1 (C1a)		1 (C1b)	3		1	1,5 đ (15%)
		Bất đẳng thức và tính chất. Bất phương trình bậc nhất một ẩn (Bài 5, 6)	2 (C6, C7)	1 (C8)		2 (1a, 1b)	1 (1c, 1d)				1 (C2)		1 (C1c)		4	4	1	2,75 đ (27,5%)
3	**Hệ thức lượng trong tam giác vuông (Chương IV)**	Tỉ số lượng giác của góc nhọn (Bài 11)	2 (C9, C10)			1 (2a)	1 (2b)		1 (C3)						4	1		1,5 đ (15%)
		Một số hệ thức giữa cạnh, góc trong tam giác vuông và ứng dụng (Bài 12)	1 (C11)	1 (C12)		1 (2c)	1 (2d)				1 (C4)			1 (C3)	2	2	2	2,5 đ (25%)
Tổng số câu/ý			**10**	**2**	**0**	**4**	**4**	**0**	**1**	**1**	**2**	**0**	**4**	**1**	**15**	**11**	**3**	**29s**
Tổng số điểm			**2,5**	**0,5**	**0**	**1,0**	**1,0**	**0**	**1,0**	**0,5**	**0,5**	**0**	**2,0**	**1,0**	**4,0**	**3,0**	**3,0**	**10,0**
Tỉ lệ %			**30%**			**20%**			**20%**			**30%**			**40%**	**30%**	**30%**	**100%**

Ghi chú: Phần Đúng – Sai tính theo ý (mỗi câu 4 ý, mỗi ý quy đổi 0,25 đ); các ô ghi số câu/ý và vị trí câu trong đề, ví dụ "2 (C1, C2)". Viết tắt: VD – Vận dụng.

thuvientoanhoc.com

II. BẢN ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA (Bước 2)

TT	Chủ đề/ Chương	Nội dung đánh giá	Mức độ	Yêu cầu cần đạt	Dạng câu hỏi – Câu số	Số câu/ý	Năng lực
1	**Chương I. Phương trình và hệ hai phương trình bậc nhất hai ẩn**	Phương trình bậc nhất hai ẩn. Hệ hai phương trình bậc nhất hai ẩn. Giải bài toán bằng cách lập hệ phương trình (Bài 1, 2, 3)	**Biết**	**Nhận biết:** – Nhận biết được khái niệm phương trình bậc nhất hai ẩn, hệ hai phương trình bậc nhất hai ẩn. – Nhận biết được khái niệm nghiệm của phương trình bậc nhất hai ẩn, nghiệm của hệ hai phương trình bậc nhất hai ẩn; biểu diễn tập nghiệm của phương trình dạng $0x + by = c$, $ax + 0y = c$ trên mặt phẳng tọa độ. – Tính được nghiệm của hệ hai phương trình bậc nhất hai ẩn (bằng phương pháp thế, cộng đại số hoặc máy tính cầm tay). **Biểu hiện trong đề:** kiểm tra cặp số là nghiệm (C1; 13b), biểu diễn tập nghiệm (C2), nghiệm của hệ (C3); nhận biết phương trình biểu thị dữ kiện thực tế (13a).	NLC: C1, C2, C3	3	TD, GT, CC
			Hiểu	**Thông hiểu:** – Giải được hệ hai phương trình bậc nhất hai ẩn bằng phương pháp thế hoặc phương pháp cộng đại số. **Biểu hiện trong đề:** giải hệ để tìm giá một sản phẩm (13c); giải hệ phương trình (19a).	TLN: C1 TL: C1	2	TD
2	**Chương II. Phương trình và bất phương trình bậc nhất một ẩn**	Phương trình quy về phương trình bậc nhất một ẩn (Bài 4)	**Biết**	**Nhận biết:** – Giải được phương trình tích có dạng $(ax + b)(cx + d) = 0$ trong trường hợp đơn giản. – Nhận biết điều kiện xác định của phương trình chứa ẩn ở mẫu. **Biểu hiện trong đề:** nghiệm của phương trình tích (C4, C15); điều kiện xác định (C5).	NLC: C4, C5 TL: C1a	3	TD
			VD	**Vận dụng:** – Giải được phương trình chứa ẩn ở mẫu quy về phương trình bậc nhất (quy đồng, khử mẫu, đưa về phương trình tích, đối chiếu điều kiện để loại nghiệm). **Biểu hiện trong đề:** Câu 19b (có một giá trị bị loại do không thỏa mãn điều kiện xác định).	TL: 1b	1	TD, GQ
		Bất đẳng thức và tính chất. Bất phương trình bậc nhất một ẩn (Bài 5, 6)	**Biết**	**Nhận biết:** – Nhận biết được thứ tự trên tập hợp các số thực; nhận biết được bất đẳng thức. – Nhận biết được khái niệm bất phương trình bậc nhất một ẩn, nghiệm của bất phương trình bậc nhất một ẩn. **Biểu hiện trong đề:** chọn bất đẳng thức đúng (C6); chọn số là nghiệm của bất phương trình (C7).	NLC: C6, C7 Đ/S: 1a,b	4	TD
			Hiểu	**Thông hiểu:** – Mô tả được một số tính chất cơ bản của bất đẳng thức (liên hệ giữa thứ tự với phép cộng, với phép nhân với số âm). – Giải được bất phương trình bậc nhất một ẩn (kể cả có mẫu số là số). **Biểu hiện trong đề:** so sánh $-2a + 1$ và $-2b + 1$ (Đề 1), $-3a + 2$ và $-3b + 2$ (Đề 2) – C8; tìm số nguyên nhỏ nhất/lớn nhất thỏa mãn bất phương trình. - Giải được bất phương trình bậc nhất 1 ẩn	NLC: C8 Đ/S: 1c,d TL: 1c	4	TD, GT

thuvientoanhoc.com

TT	Chủ đề/ Chương	Nội dung đánh giá	Mức độ	Yêu cầu cần đạt	Dạng câu hỏi – Câu số	Số câu/ý	Năng lực
3	**Chương IV. Hệ thức lượng trong tam giác vuông**	Tỉ số lượng giác của góc nhọn (Bài 11)	**Biết**	**Nhận biết:** – Nhận biết được các giá trị sin (sine), côsin (cosine), tang (tangent), côtang (cotangent) của góc nhọn. – Nhận biết tỉ số lượng giác của hai góc phụ nhau. **Biểu hiện trong đề:** viết $\cos N$ (Đề 1), $\tan K$ (Đề 2) theo định nghĩa (C9); hai góc phụ nhau (C10); $\sin B$, $\cos B$ (14a).	NLC: C9, C10 Đ/S: 2a TLN: C3	4	TD, GT
			Hiểu	**Thông hiểu:** – Giải thích được tỉ số lượng giác của các góc nhọn đặc biệt ($30°$, $45°$, $60°$) và của hai góc phụ nhau; sử dụng để tính giá trị biểu thức. **Biểu hiện trong đề:** Câu 17.	Đ/S: 2b	1	TD, CC
		Một số hệ thức giữa cạnh, góc trong tam giác vuông và ứng dụng (Bài 12)	**Biết**	**Nhận biết:** – Nhận biết được hệ thức giữa cạnh và góc trong tam giác vuông (cạnh góc vuông bằng cạnh huyền nhân sin góc đối, côsin góc kề; bằng cạnh góc vuông kia nhân tang góc đối, côtang góc kề). **Biểu hiện trong đề:** chọn hệ thức đúng (C11; 14b).	NLC: C11 Đ/S: 2c	2	TD
			Hiểu	**Thông hiểu:** – Giải thích được một số hệ thức về cạnh và góc trong tam giác vuông; tính độ dài cạnh, số đo góc bằng giá trị lượng giác đặc biệt hoặc máy tính cầm tay. – Giải được tam giác vuông khi biết một cạnh và một góc nhọn. **Biểu hiện trong đề:** tính cạnh góc vuông (C12); tìm góc bằng máy tính cầm tay (14c); giải tam giác vuông (21a).	NLC: C12 Đ/S: 2d	2	TD, CC
			VD	**Vận dụng:** – Vận dụng phối hợp các hệ thức giữa cạnh và góc với đường cao, tia phân giác để tính độ dài đoạn thẳng. – Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn gắn với tỉ số lượng giác của góc nhọn (tính độ cao, khoảng cách). **Biểu hiện trong đề:** tính BH, CH (14d); độ cao con diều (Đề 1), máy bay (Đề 2) – Câu 18; tính AD (21b).	TLN: C4 TL: C3	2	MH, GQ, CC

Năng lực: TD – tư duy và lập luận toán học; MH – mô hình hóa toán học; GQ – giải quyết vấn đề toán học; GT – giao tiếp toán học; CC – sử dụng công cụ, phương tiện học toán. NLC – nhiều lựa chọn; Đ/S – đúng sai; TLN – trả lời ngắn; TL – tự luận.

thuvientoanhoc.com